

Số: 1667/ TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 06 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu báo giá mua sắm vật tư can thiệp chẩn đoán

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho mua sắm vật tư can thiệp chẩn đoán với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Phó khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản cứng có đóng dấu:

+ Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

- Bản mềm: Báo giá (Excel), Catalog, các tài liệu liên quan... (PDF)

+ Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h30 phút ngày 13 tháng 06 năm 2024 đến trước 16h30p ngày 26 tháng 06 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.



5. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm vật tư can thiệp chẩn đoán (*Chi tiết phụ lục 1 đính kèm*).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

3. Các thông tin khác: Mẫu báo giá chi tiết tại *Phụ lục 2* đính kèm.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo. *tm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 1667/TB - BVT ngày 12 tháng 06 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
	I.	Kỹ thuật nút coil			
1	1	Cuộn nút mạch não (Coil)	Cái	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platium. Phức hợp 2D hoặc 3D hoặc Helix.	200
2	2	Kìm cắt coil (Tương thích với coil)	Cái	Tương thích với Cuộn nút mạch não (coil)	35
3	3	Bóng tắc mạch (dùng trong chẹn cổ túi phình mạch thẳng)	Cái	Bao gồm ống thông có gắn bóng đơn và vi dây dẫn 0.010". Có bóng để chèn cổ túi phình động mạch não cổ rộng với vị trí mạch thẳng bóng có: Đường kính $\geq 4\text{mm}$. Chiều dài bóng $\geq 7\text{mm}$.	10
4	4	Bóng tắc mạch (dùng trong chẹn cổ túi phình mạch vị trí mạch phức tạp)	Cái	Bao gồm ống thông có gắn bóng đơn và vi dây dẫn 0.010". Có bóng để chèn cổ túi phình động mạch não cổ rộng với vị trí mạch nhánh, phức tạp. Bóng có đường kính $\geq 4\text{mm}$. Chiều dài bóng $\geq 7\text{mm}$.	10

Handwritten signature

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
5	5	Khung giá đỡ (Stent) bắc cầu cho túi phình mạch não cổ rộng	Cái	- Khung giá đỡ (Stent) dùng trong nút coil cho túi phình mạch não cổ rộng . - Đường kính: 1.5mm - 4.5mm. Tương thích microcatheter 0.021". Chiều dài: 20 mm - 40 mm. Thiết bị có khả năng điều chỉnh đường kính, dạng cầu tương thích cổ túi phình, không gây tắc dòng chảy.	10
6	6	Vi ống thông gấp góc (dành cho can thiệp nút coil mạch não)	Cái	Vi ống thông các loại: Đầu thẳng hoặc đầu cong 45 độ, 90 độ. Đường kính ngoài đầu xa $\geq 1,7F$. Chiều dài sử dụng là ≥ 150 cm. Có 2 markers.	40
7	7	Vi dây dẫn (Dây dẫn nhỏ) cho lấy huyết khối mạch cảnh, não, thả coil	Cái	Dài ≥ 200 cm . Đường kính 0.014". Đầu xa có thể uốn được.	90
8	8	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng các loại (dùng cho chụp và can thiệp mạch não)	Cái	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng Có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau. Kích cỡ 6F nòng ngoài và 5F nòng trong.	80
	II.	Kỹ thuật hút huyết khối			
9	1	Ống thông hút huyết khối mạch não trực tiếp đường kính lớn	Cái	Ống hút huyết khối mạch não cỡ: $0.068" \leq$ Đường kính trong đầu xa $\leq 0.072"$ tương đương 5F -6F Chiều dài ≥ 125 cm.	45

2/2

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
10	2	Giá đỡ mạch não lấy huyết khối	Cái	Giá đỡ mạch não lấy huyết khối: $3\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 6\text{mm}$. $20\text{mm} \leq \text{Chiều dài} \leq 40\text{mm}$	10
11	3	Vi ống thông lấy huyết khối mạch não các cỡ	Cái	$2.4\text{Fr} \leq \text{Đường kính ngoài đầu gần-xa} \leq 2.7\text{Fr}$. Đường kính trong 0.021". Chiều dài $\geq 150\text{cm}$ (Đồng bộ cùng ống hút huyết khối và Giá đỡ mạch não lấy huyết khối)	50
12	4	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ và vừa	Cái	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính nhỏ: Đường kính trong đầu xa: 0.034" - 0.036". Đường kính ngoài đầu xa: 3,7F - 3,9F; Đường kính ngoài đầu gần: 4,6F-4,8F. Chiều dài: $\geq 160\text{cm}$.	10
13	5	Bóng nong can thiệp mạch máu nội sọ	Cái	Bóng nong dùng trong can thiệp mạch nội sọ. Đường kính bóng: 1.5mm - 4.0 mm (đủ các kích cỡ), Chiều dài bóng nong 8mm - 40 mm (đủ các kích cỡ) . Tổng chiều dài $\geq 150\text{cm}$. Tương thích với vi dây dẫn 0.014"	20
	III	Kỹ thuật đặt stent mạch não			

th

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
14	1	Ống thông dẫn đường (dùng trong lấy huyết khối mạch não, stent mạch não)	Cái	Đường kính trong lớn loại 0.070" - 0.088" (tối thiểu 2 cỡ 0.070", 0.088"). Chiều dài loại 0.070": 100cm - 110 cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm - 100cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", Đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070"	50
15	2	Ống thông dẫn đường (dùng trong đặt stent đổi hướng dòng chảy điều trị túi phình mạch não cổ rộng, phình hình thoi, phình khó phức tạp)	Cái	Đường kính trong: 0.058"- 0.072"(Tối thiểu 2 cỡ 0.058", 0.072"). Đường kính ngoài: 0.070"- 0.084" (Tối thiểu 2 cỡ 0.058", 0.072"). Chiều dài: 100cm -120cm.	5
16	3	Giá đỡ mạch não (Stent)có túi phình	Cái	Stent đổi hướng dòng chảy mạch não cho nòng mạch. $2.0\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 5.5\text{mm}$	5
	IV	Kỹ thuật nút AVM mạch não			
17	1	Vi ống thông nút dị dạng mạch não AVM	Cái	Đầu tự đứt dài 1,5cm- 3cm (Tối thiểu 2 cỡ 1,5cm, 3cm). Đường kính trong 0.012"-0.015" , Đường kính ngoài đầu xa 1.4Fr - 1,6Fr. Đường kính đầu gần 2.6Fr - 2,8Fr. Tổng chiều dài $\geq 160\text{cm}$.	10

nh

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
18	2	Vi dây dẫn can thiệp mạch não dùng điều trị dị dạng mạch não AVM	Cái	Dài ≥ 200 cm. Tương thích với Vi ống thông nút dị dạng mạch não AVM	20
19	3	Chất tắc mạch dạng lỏng	Ống/ lọ	Chất tắc mạch dạng lỏng dùng nút tắc dị dạng mạch não AVM	20
20	4	Sonde chụp mạch não	Cái	Sonde chụp 5F có đầu cong đặc trưng vertebral.	10
21	5	Catheter chụp mạch máu dạng Sidewinder	Cái	Sonde chụp kích thước 5F có đầu cong đặc trưng dạng sidewinder	10
22	6	Catheter chụp mạch máu não dạng Mani 5F	Cái	sonde chụp kích thước 5F có đầu đặc trưng của từng loại (Mani)	10
23	7	Dây dẫn đường ái nước cứng, đầu cong dùng cho ống thông dài 150 cm	Cái	Dây dẫn đường ái nước cứng, đầu cong đường kính 0.035" . $150 \text{ cm} \leq \text{Dài} \leq 200 \text{ cm}$.	10
24	8	Dây dẫn đường ái nước cứng, đầu cong dùng cho ống thông dài 260 cm	Cái	Dây dẫn đường ái nước cứng, đầu cong đường kính 0.035" . Dài ≥ 250 cm.	20
	V	Kỹ thuật nút mạch tạng			
25	1	Ống thông chụp mạch gan	Cái	Sonde chụp kích thước 5F có đầu cong đặc trưng của từng loại yashiro	85

Handwritten signature

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
26	2	Ống thông chụp mạch Cobra	Cái	Sonde chụp kích thước 5F có đầu cong đặc trưng của từng loại (cobra)	40
27	3	Vi ống thông đường kính 2.7F	Cái	Vi ống thông đồng trục cỡ 2.7 Fr dùng trong mạch tạng và mạch ngoại vi. Có vi dây dẫn đi cùng. Chiều dài ≥ 110 cm.	30
28	4	Vi ống thông sử dụng trong động mạch nhỏ	Cái	Vi ống thông can thiệp mạch tạng và mạch ngoại vi: $1.7F \leq \text{Đường kính} \leq 2.7F$ Chiều dài ≥ 110 cm.	80
29	5	Vi ống thông can thiệp mạch, cỡ 1.7F, 1.8F, và 2.2F không kèm vi dây dẫn	Cái	Vi ống thông mạch tạng và mạch ngoại vi: $1.7F \leq \text{Đường kính} \leq 2.2 F$ Chiều dài ≥ 110 cm.	20
30	6	Vi dây dẫn tạo hình chuyên dụng	Cái	Vi dây dẫn can thiệp mạch tạng và mạch ngoại biên. - Đường kính: 0.016" - Các hình dạng đầu: Straight và Angle(d) - $135\text{cm} \leq \text{Chiều dài} \leq 180\text{cm}$. - Bao gồm dụng cụ định hình, chèn mạch, và dụng cụ vận lái.	50

nh

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
31	7	Dây dẫn đường can thiệp lõi hợp kim thép không gỉ.	Cái	Vi dây dẫn dùng trong can thiệp mạch tạng và mạch ngoại vi Đường kính: 0.014" và 0.018". $135 \leq \text{Độ dài} \leq 190\text{cm}$	50
32	8	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan tăng kích thước khi pha	Ống/lọ	Hạt tải thuốc kích thước 20 - 400 μm ngậm thuốc tăng kích thước khi pha. Hạt bảo quản dạng khô .	10
33	9	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan không tăng kích thước	Ống/lọ	Hạt tải thuốc kích thước 20-200 μm ngậm thuốc không tăng kích thước. Hạt bảo quản trong dung dịch.	10
34	10	Vật liệu nút mạch hình cầu	Ống/lọ	Hạt tắc mạch hình cầu có các kích thước khác nhau $\geq 40 \mu\text{m}$ trong dung dịch pha sẵn.	150
35	11	Keo dán sinh học Histoacryl	Ống/lọ	Kéo dán sinh học dùng cho nút tắc mạch.	100
36	12	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn	Cái	Coils cắt hoặc bẻ . $2 \text{ mm} \leq \text{Đường kính coils} \leq 32 \text{ mm}$. $2\text{cm} \leq \text{Chiều dài coils} \leq 60\text{cm}$.	20
	VI	Kỹ thuật dẫn lưu đường mật, ổ dịch, ổ áp xe			
37	1	Ống dẫn lưu qua da 1 đầu có khóa	Cái	Có đầu cong dạng đuôi lợn pigtail, có các lỗ bên. $6.5\text{F} \leq \text{kích thước} \leq 14\text{F}$. $15\text{cm} \leq \text{Chiều dài} \leq 40\text{cm}$.	200

th

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
38	2	Kim chọc hút mô mềm	Cái	- Được sử dụng để can thiệp qua da. - Đầu vát - Đường kính: 16G - 20G (đủ kích cỡ); - Chiều dài: 15 mm - 30 mm (đủ kích cỡ).	100
	VII	Kỹ thuật đốt sóng cao tần u giáp , u gan			
39	1	Kim đốt sóng cao tần đốt u gan	Cái	Kim đốt kích thước 15-19G. $70\text{ mm} \leq \text{Chiều dài kim} \leq 350\text{ mm}$. $5\text{ mm} \leq \text{Chiều dài đầu phát nhiệt} \leq 40\text{ mm}$. Phù hợp với máy đốt u bằng sóng cao tần Coolip RF Ablation System E Series	30
40	2	Kim đốt sóng cao tần đốt u giáp	Cái	$15\text{G} \leq \text{Kim đốt kích thước} \leq 19\text{G}$. $70\text{ mm} \leq \text{Chiều dài kim} \leq 350\text{ mm}$. $5\text{ mm} \leq \text{Chiều dài đầu phát nhiệt} \leq 40\text{ mm}$. Phù hợp với máy đốt u bằng sóng cao tần Coolip RF Ablation System E Series	10
	VIII	Kỹ thuật đặt khung giá đỡ đường mật			
41	1	Khung giá đỡ nhớ hình đường mật - mạch máu có chống di lệch (antijump)	Cái	Stent đường mật $6\text{mm} \leq \text{đường kính stent} \leq 14\text{mm}$ $80\text{mm} \leq \text{Chiều dài} \leq 15\text{ mm}$. Stent lưới không phủ gồm tối thiểu hai loại có lỗ thủng hoặc không thủng, tương thích với dụng cụ 6F.	10

22

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
42	2	Bóng nong mạch ngoại biên	Cái	Bóng nong mạch ngoại biên tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". Đường kính bóng từ 6mm - 12 mm (Đủ các cỡ). Độ dài bóng từ 20mm - 200 mm (Đủ các cỡ). Độ dài ống thông: ≥ 90 cm .	10
43	3	Dây dẫn đường siêu cứng bằng kim loại (Amplatz Super Stiff Guidewire)	Cái	Kích thước 0.035" Chiều dài ≥ 75 cm. Thân siêu cứng, phần đầu hình cong mềm.	10
	IX	Kỹ thuật nút tĩnh mạch dạ dày, và tĩnh mạch cửa gan			
44	1	Dụng cụ bít lỗ thông Động Tĩnh Mạch (Plug)	Cái	Plug dùng trong kỹ thuật PRTD trong xuất huyết vỡ tĩnh mạch phình vị có shunt vị thận. $6 \text{ mm} \leq \text{Kích thước} \leq 16 \text{ mm}$. $6 \text{ mm} \leq \text{chiều dài} \leq 10 \text{ mm}$	10
45	2	Dù bít tuần hoàn bằng hệ, bít hoặc nút rò động tĩnh mạch loại thể hệ mới 2 cánh	Cái	Dù có 02 cánh. Kích thước phù hợp với tĩnh mạch được điều trị từ 2 mm-17 mm . Tương thích với dụng cụ mở đường từ 5F - 9F	5
46	3	Kim sinh thiết tủy xương	Cái	Kim sinh thiết dùng trong sinh thiết xương $8 \text{ G} \leq \text{kích thước} \leq 13 \text{ G}$. $70 \text{ mm} \leq \text{Chiều dài kim} \leq 200 \text{ mm}$	10

th

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
47	4	Kim sinh thiết	Cái	Kim sinh thiết 16 G ≤ kích thước ≤ 20 G. Chiều dài lấy mẫu loại 10 mm , loại 20 mm . 60 ≤ Chiều dài kim ≤ 250 mm .	150
	X	Can thiệp mạch cảnh hẹp trong huyết khối mạch não			
48	1	Khung giá đỡ (Stent) mạch cảnh	Cái	- Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng hợp kim hoặc Nitinol. - Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn. - Độ dài ống thông có gắn stent ≥ 135cm, sử dụng dây dẫn 0.014”. - Tương thích với dụng cụ mở đường ≥ 6F. - 2 điểm đánh dấu.	5
49	2	Lưới lọc bảo vệ mạch máu (FilterWire)	Cái	* Lưới lọc dùng cho mạch cảnh có đường kính khoảng từ 3.5 mm đến 8 mm. * Chiều dài dây dẫn 120- 300 cm.	5

2/2

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
50	3	Bóng nong động mạch cảnh ngoài sọ	Cái	* Bóng nong dùng trong can thiệp mạch cảnh ngoài sọ. - Đường kính bóng: 6-10 mm (đủ các kích cỡ) - Chiều dài bóng: 10-22 mm (đủ các kích cỡ) - Chiều dài ống thông: 95cm -130cm (đủ các kích cỡ) * Guidewire tương thích 0.014" hoặc 0.018"	5
	XI	Các vật tư khác			
51	1	Bộ khăn chụp mạch	Bộ	Bộ khăn chụp mạch tối thiểu bao gồm: 1 khăn trải bàn dụng cụ. 1 khăn chụp mạch ≥ 2 lỗ. 1 bao kính chắn chì. 1 tấm phủ chắn chì. 1 bao chụp đầu đèn.	230
52	2	Dây dẫn đường cho Catheter ái nước (Dây dẫn đường mềm đầu cong dài 150 cm)	Cái	Dây dẫn đường ái nước mềm, đầu cong đường kính 0.035". Chiều dài 150 cm	1000
53	3	Dây bơm thuốc áp lực cao	Cái	Dùng cho máy bơm tiêm trong chụp và can thiệp DSA Chiều dài ≥ 100 cm	440

2/2

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Số lượng/ khối lượng
54	4	Dụng cụ mở đường vào (động mạch) cầm máu có chốt khóa	Cái/bộ	5Fr ≤ Đường kính ≤ 8Fr (tối thiểu 3 cỡ 5F,6F,8F) Kim chọc mạch 18G, 21G hoặc 20G Có dây dẫn	220
55	5	Bộ phận kết nối chữ Y có 2 loại đầu xoáy và đầu bấm	Cái	Bộ van cầm máu chữ y có 2 loại đầu xoáy và đầu bấm(trượt)	250

th2



PHỤ LỤC 2
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 1667/TB-BVT ngày 12/ 06/ 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)



Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:
Điện thoại DD:
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Danh mục thiết bị y tế (3)	Ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT theo QĐ 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Đạt tiêu chuẩn (7)	Mã HS (8)	Phân loại TTBYT (A,B,C,D) (9)	Năm sx (10)	Hãng/ nước chủ sở hữu (11)	Hãng/Nước sản xuất (12)	Quy cách đóng gói (13)	Đơn vị tính (14)	Số lượng (15)	Đơn giá (VNĐ) (16)	Thành tiền (VNĐ) (17)	Kết quả trúng thầu 12 tháng gần nhất (Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày tháng năm/ đơn vị ra QĐ) (18)
1					ghi cụ thể thông số kỹ thuật												
2					ghi cụ thể thông số kỹ thuật												

Ghi chú:

(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(16) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có))

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày] .
2. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)